ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4127/QĐ - UBND	*Ninh Phước, ngày 31 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 Của Huyện Ninh Phước

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Phước khoá IX kỳ họp thứ 9, về dự toán thu, chi ngân sách huyện, mức bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2020,

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Phước khoá IX kỳ họp thứ 9, về kế hoạch đầu tư công năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Ninh Phước (theo các biểu đính kèm theo quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng Uỷ ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện uỷ;
- Văn phòng HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Toà án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện ;
- UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Lưu: VT, Phòng TC.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đô

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**466.996**
1	**Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp**	**75.450**
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	75.450
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	
2	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh**	**366.247**
	Thu bổ sung cân đối	289.994
	Thu bổ sung có mục tiêu	76.253
3	**Thu kết dư**	
4	**Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang**	**25.299**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**466.996**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**424.015**
1	Chi đầu tư phát triển	83.268
2	Chi thường xuyên	327.914
3	Chi Dự phòng	7.263
4	Chi dự phòng tăng thu	2.250
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.320
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**42.981**
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	6.417
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	36.564
III	**Chi từ nguồn thu quản lý qua NSNN**	
IV	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán
A	**NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**452.756**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	61.210
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	366.247
	Thu bổ sung cân đối	289.994
	Thu bổ sung có mục tiêu	76.253
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	25.299
II	**Chi ngân sách**	**452.756**
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	423.766
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	27.405
	Thu bổ sung cân đối	27.405
	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
4	Chit ừ nguồn CCTL tại các xã, thị trấn năm 2019 chuyển sang	1.585
B	**NGÂN SÁCH XÃ**	
I	**Nguồn thu ngân sách**	**43.230**
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	14.240
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	27.405
	Thu bổ sung cân đối	27.405
	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	
5	Thu từ nguồn CCTL năm 2019 chuyển sang	1.585
II	**Chi ngân sách**	**43.230**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

Đvt: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**77.250**	**75.450**
I	**Thu nội địa**	**77.250**	**75.450**
1	Thu XDCB	16.700	16.700
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	11.420	11.420
	Thuế GTGT	8.620	8.620
	Thuế TNDN	2.300	2.300
	Thuế TTĐB	200	200
	Thuế tài nguyên	300	300
	Thu khác về thuế		-
3	Thuế thu nhập cá nhân	6.610	6.610
4	Thuế bảo vệ môi trường		-
5	Lệ phí trước bạ	17.400	17.400
6	Thu phí, lệ phí	2.700	2.100
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.700	1.700
10	Thu tiền sử dụng đất	16.500	16.500
11	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hưu nhà nước		-
12	Thu từ hoạt động sổ xố kiến thiết		-
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-
14	Thu khác ngân sách	2.820	1.620
15	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.400	1.400
II	**Thu từ các khoản thu để lại quản lý qua NSNN**		-
III	**Thu viện trợ**		

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**466.996**	**423.766**	**43.230**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**424.015**	**380.785**	**43.230**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**83.268**	**83.268**	**-**
1	Chi đầu tư cho các dự án	83.268	83.268	-
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-		
	Vốn ngân sách tỉnh bổ sung			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	29.799	29.799	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**327.914**	**285.900**	**42.014**
	Trong đó:	-		
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	233.560	233.560	
-	Chi khoa học,công nghệ	-		
III	**Dự phòng chi tăng thu**	**2.250**	**2.250**	
IV	**Dự phòng ngân sách**	**7.263**	**6.415**	**848**
V	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**3.320**	**2.952**	**368**
B	**CHI TỪ CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NSNN**	**-**		
C	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**42.981**	**42.981**	**-**
I	**BSMT**	36.564	36.564	-
1	Kinh phí hoỗ trợ địa phương đất trồng lúa	6.176	6.176	

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
2	Đề án hỗ trợ xây dựng sửa chữa đài tưởng niệm Liệt sĩ	500	500	
3	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	1.191	1.191	
4	Kinh phí hỗ trợ tiên ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	1.139	1.139	
5	Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật	74	74	
6	Hỗ trợ kinh phí thực hiện NĐ 86	2.214	2.214	
7	Kinh phí thực hiện NĐ136	24.893	24893	
8	Bảo hiểm y tế cho đối tượng tham gia kháng chiến	377	377	
II	**CTMT**	6.417	**6.417**	
1	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy năm 2020	80	80	
2	Chương trình giảm nghèo	1.579	1.579	-
3	Chương trình NTM	4.758	4758	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	**452.756**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**27.405**
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC**	**423.766**
	Trong đó:	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**83.268**
1	Chi đầu tư cho các dự án	83.268
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	**Chi thường xuyên**	**285.900**
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	233.560
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
4	Chi văn hóa thông tin	1.160
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	561
6	Chi thể dục thể thao	496
7	Chi bảo vệ môi trường	4.500
8	Chi các hoạt động kinh tế	11.970
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	27.928
10	Chi bảo đảm xã hội	610
11	Chi an ninh - quốc phòng	3.966
12	Chi khác	1.149
III	**Dự phòng ngân sách**	**6.415**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**2.952**
V	**Dư phòng chi tăng thu**	**2.250**
VI	**Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN**	
VII	**Cho các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**42.981**
C	**CHI TỪ NGUỒN CCTL NĂM 2019 TẠI CÁC XÃ,TT CHUYỂ**	**1.585**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 88/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Trong đó													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH,THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY				
	TỔNG SỐ	**285.900**	**233.560**	**-**	**-**	**1.160**	**561**	**496**	**4.500**	**11.970**	**2.000**	**660**	**27.928**	**610**	**3.966**	**1.149**
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	4.477											4.477			
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	707								50			657			
3	Phòng Tư Pháp	364											364			
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	907											907			
5	Phòng Kinh tế & Hạ tầng	2.608								1.922			686			
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo	227.100	225.993										1.107			
7	Phòng Văn hóa và Thông tin	485											485			
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5.146							4.500				646			
9	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.472											862	610		
10	Thanh tra huyện	788											788			
11	Phòng Nội vụ	1.470											1.470			
12	Văn phòng huyện ủy	5.917											5.917			
13	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện	883											883			
14	Huyện đoàn	781											781			
15	Hội Phụ Nữ	632											632			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Trong đó													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH,THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY				
16	Hội Nông Dân	535											535			
17	Hội Cựu Chiến Binh	374											374			
18	Hội Đông y	259											259			
19	Hội Chữ Thập Đỏ	245											245			
20	Hội người cao tuổi	130											130			
21	Hội người tù yêu nước	134											134			
22	Hội Cựu Thanh niên xung phong	157											157			
23	Hội khuyến học	82											82			
24	Hội Luật gia	9											9			
25	Ủy thác ngân hàng chính sách	500											500			
26	Hỗ trợ quỹ hội nông dân	100											100			
27	Hỗ trợ đồn biên phòng Sơn Hải	25											25			
28	Ban CHQS huyện	3.152													3.152	
29	Công an huyện	814													814	
30	Trung tâm VHTT&TT	2.217				1.160	561	496								
31	Trung tâm GDNN&GDTX	3.110	3.110													
32	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	888	888													
33	Trung tâm Phát triển quỹ đất	236								236						
34	Nguồn chưa phân bổ	18.047	3.569			-				9.762	2.000	660	4.716			-
a	Sự nghiệp kinh tế	9.762	-			-				9.762	2.000	660	-			-
	Đề án xanh, sạch, đẹp	*3.000*								*3.000*						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	Trong đó													
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH,THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY				
	Kinh phí sửa chữa các tuyến đường trên địa bàn huyện	*2.000*								*2.000*	*2.000*					
	Kinh phí sửa chữa hệ thống nước TT Phước Dân	*1.000*								*1.000*						
	Sự nghiệp nông lâm thủy sản	*660*								*660*		*660*				
	Kinh phí duy tu, bão dưỡng, trả tiền điện ,...hệ thống chiếu sáng trên địa bàn	*2.300*								*2.300*						
	SNKT khác	*802*								*802*						
b	Sự nghiệp giáo dục	3.569	3.569			-				-			-			-
	Kinh phí sửa chữa SNGD	*3.006*	*3.006*													
	Kinh phí dđào tạo lại	*563*	*563*													
c	Quản lý hành chính	4.716	-			-				-			4.716			-
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	*1.350*											*1.350*			
	Kinh phí thực hiện tuyên truyền quảng bá xúc tiến cho các điểm du lịch cộng đồng	*200*											*200*			
	Kinh phí trang bị camera an ninh	*2.000*											*2.000*			
	Kinh phí thực hiện NĐ116	*1.166*											*1.166*			
35	Nguồn chi khác	1.149														1.149

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

BIỂU SỐ 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

Đvt: triệu đồng.

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp trong cân đối			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung cân đối nguồn CCTL năm 2019 chuyển sang	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
	TỔNG SỐ	**14.240**	**14.240**	**14.240**	**-**	**27.405**	**1.585**	**-**	**43.230**
1	Thị trấn Phước Dân	3.980	3.980	3.980		2.159	398		6.537
2	Xã Phước Sơn	1.127	1.127	1.127		3.170	191		4.488
3	Xã Phước Vinh	590	590	590		3.006	61		3.657
4	Xã Phước Thái	529	529	529		3.708	96		4.333
5	Xã Phước Hậu	628	628	628		4.053			4.681
6	Xã Phước Thuận	1.754	1.754	1.754		3.414	126		5.294
7	Xã An Hải	3.786	3.786	3.786		1.015	291		5.092
8	Xã Phước Hải	728	728	728		3.582	118		4.428
9	Xã Phước Hữu	1.118	1.118	1.118		3.298	304		4.720